

---

---

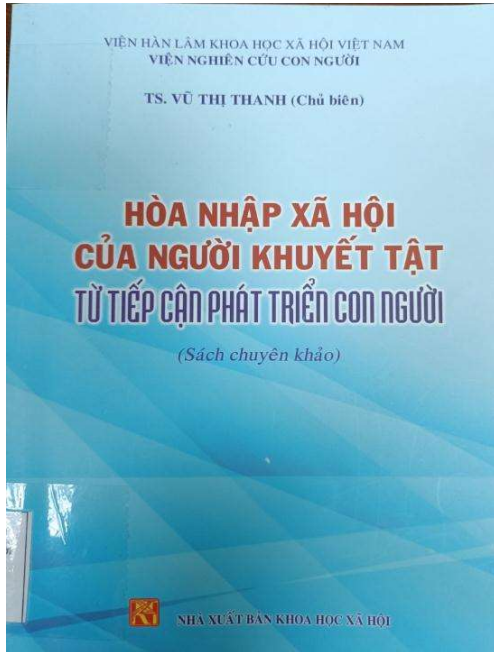
## ĐỌC SÁCH

---

---

### HÒA NHẬP XÃ HỘI CỦA NGƯỜI KHUYẾT TẬT TỪ TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

(Sách chuyên khảo/Vũ Thị Thanh (Chủ biên). -H.: Khoa học xã hội, 2019. - 220 tr.)



Hòa nhập xã hội của các nhóm yếu thế trong đó có người khuyết tật (NKT) ngày càng được quan tâm trong bối cảnh thế giới đang chú trọng đến sự phát triển bao trùm để không ai bị bỏ lại phía sau. Cuốn sách *Hòa nhập xã hội của người khuyết tật từ tiếp cận phát triển con người* do TS. Vũ Thị Thanh chủ biên được xuất bản dựa trên kết quả đề tài nghiên cứu cấp Bộ năm 2017 - 2018: “Hòa nhập xã hội vì mục tiêu phát triển con người đối với NKT ở tỉnh Thái Bình: thực trạng và giải pháp”, Viện Nghiên cứu Con người là cơ quan chủ trì. Đề tài được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng hòa nhập xã hội của NKT trên các phương diện cơ bản của sự phát triển con người và làm rõ các yếu tố tác động đến sự hòa nhập này.

Cuốn sách gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lí luận và phương pháp luận nghiên cứu hòa nhập xã hội của NKT từ tiếp cận phát triển con người. Trong chương này, nhóm tác giả trình bày quan điểm hòa nhập xã hội, các cách tiếp cận về khuyết tật, phát triển con người và nghiên cứu về hòa nhập xã hội, các công cụ luật pháp quốc tế và quốc gia góp phần tăng cường hòa nhập xã hội và phát triển con người của NKT, hệ phương pháp nghiên cứu hòa nhập xã hội của NKT từ tiếp cận phát triển con người. Hòa nhập xã hội có gắn bó mật thiết với phát triển con người và được coi là tiền đề thiết yếu cho sự phát triển con người. Để có được sự hòa nhập xã hội đòi hỏi phải loại bỏ được những rào cản gây ra sự tách biệt xã hội và tăng cường năng lực cho con người để họ có thể tham gia vào mọi phương diện của đời sống.

Trên cơ sở tổng quan, phân tích các quan điểm và cách tiếp cận trên, nhóm tác giả đã phân tích sự hòa nhập xã hội của NKT từ cách tiếp cận phát triển con người trên các chiều cạnh: năng lực và cơ hội lựa chọn của NKT trên một số phương diện cơ bản thể hiện sự hòa nhập xã hội, bao gồm kinh tế (thông qua tiếp cận việc làm và có thu nhập), y tế (thông qua tiếp cận với các dịch vụ y tế), giáo dục (thông qua việc tiếp cận các dịch vụ giáo dục và thông tin), xã hội (thông qua tham gia vào các hoạt động của xã hội và cộng đồng).

Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng phân tích việc mở rộng tự do và cơ hội lựa chọn cho NKT phản ánh qua các yếu tố ảnh hưởng đến cơ hội và năng lực hòa nhập xã hội của họ ở bốn cấp độ: cấp độ thiết chế (chủ trương, chính sách đối với NKT, vai trò của chính quyền và các tổ chức xã hội đối với NKT); cấp độ cộng đồng (thái độ và sự hỗ trợ của cộng đồng đối với NKT); cấp độ gia đình (sự hỗ trợ của gia đình đối với NKT); cấp độ cá nhân (tính chủ thể của NKT).

Chương 2: Thực trạng hòa nhập xã hội của NKT. Trong chương này, nhóm tác giả trình bày khái quát về NKT ở tỉnh Thái Bình (tỉnh Thái Bình là địa phương có tỉ lệ NKT cao nhất cả nước (12,34%) (UNFPA, 2009, tr. 47); đồng thời dựa trên khung phân tích lí luận đã nêu ở chương 1, nhóm tác giả trình bày và phân tích thực trạng hòa nhập xã hội của NKT trên phương diện kinh tế, y tế, giáo dục và sự tham gia xã hội.

Sự hòa nhập xã hội của NKT tại địa bàn nghiên cứu trên lĩnh vực kinh tế được xem xét trên các tiêu chí: thu nhập và tiếp cận việc làm. Thực tiễn kết quả điều tra cho thấy, thu nhập của NKT hiện nay rất thấp, trung bình là 796.600đồng/người/tháng (tr. 54) và nguồn thu nhập phổ biến nhất của họ là từ trợ cấp của Nhà nước (94,4%) và người thân (23,1%). Chỉ có 18,9% NKT có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, 14,7% có thu nhập từ lao động tự do, 4,9% có thu nhập từ lương hưu, 2,8% có thu nhập từ sản xuất, kinh doanh dịch vụ, 0,7% có thu nhập từ sản xuất công nghiệp, không ai có thu nhập từ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, tiền công từ khu vực nhà nước, ngoài nhà nước hay từ lợi tức, đầu tư và cho vay.

Trong nghiên cứu này, tiếp cận việc làm nhìn chung là một thách thức lớn đối với NKT bởi tồn tại những hạn chế sau: năng lực (có tới 92,2% gia đình cho biết NKT trong gia đình họ không tìm kiếm việc làm là do tình trạng sức khỏe, khuyết tật của họ (tr. 60); chỉ có 7,5% NKT qua khảo sát có thể làm việc để nuôi sống bản thân (tr. 62); về trình độ học vấn thì có 39,6% NKT không biết đọc (tr. 63); kĩ năng tay nghề (90% NKT từ 16 tuổi trở lên chưa từng được đào tạo nghề (tr. 64), do các nguyên nhân: khó khăn trong di chuyển, quan ngại về khả năng tìm việc làm sau khi học nghề, v.v.); thiếu kĩ năng tìm kiếm việc làm (hơn 60% ý kiến tán đồng); thiếu vốn; không có việc làm phù hợp (trên 80% ý kiến tán đồng); thiếu thông tin giới thiệu việc làm (trên 57% ý kiến tán đồng) và thiếu phương tiện hỗ trợ để NKT có thể tham gia làm việc (trên 80% ý kiến tán đồng) (tr. 68 - 73).

Tiếp cận các dịch vụ y tế là chiều cạnh phản ánh sự hòa nhập của NKT trên phương diện y tế. NKT hiện đang gặp rất nhiều khó khăn về mặt sức khỏe, thiếu khả năng tự chăm sóc bản thân. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự hòa nhập xã hội của NKT ở địa phương còn gặp rào cản về khả năng của bản thân và gia đình NKT (tình trạng khuyết tật, khả năng tài chính) và việc không có sẵn các dịch vụ y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của NKT.

Cụ thể, phần lớn NKT tại địa bàn khảo sát bị hạn chế về khả năng vận động, nhận thức, 1/3 gặp khó khăn về nghe nói và nhìn; 22,1% NKT trong khảo sát thường xuyên gặp

khó khăn trong việc tự chăm sóc bản thân; đa phần họ chỉ đi khám bệnh khi tái phát hoặc bị ốm hay ốm nặng, chỉ 1/3 đi khám bệnh định kì (tr. 92). 30% gia đình NKT trong khảo sát cho biết chi phí dành cho chăm sóc sức khỏe của NKT ở mức cao so với khả năng tài chính của gia đình (tr. 96); 19,7% người được hỏi cho rằng thường xuyên thiếu thông tin, kiến thức về chăm sóc sức khỏe; 17,1% ý kiến cho rằng thường xuyên thiếu thông tin về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; hơn 10% ý kiến cho rằng thường xuyên không có dịch vụ khám, chữa bệnh và thiết bị y tế phù hợp với tình trạng của NKT, ngoài ra, một số ít các ý kiến khác cho rằng thường xuyên thấy khó tiếp cận với các cơ sở y tế (khoảng cách xa; tỉ lệ NKT thường xuyên nhận được sự hỗ trợ khi tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế là chưa cao) và cơ sở hạ tầng nơi khám, chữa bệnh không dễ dàng cho NKT tiếp cận (thiếu lối đi lại phù hợp, thiếu nhà vệ sinh phù hợp, v.v.).

Sự tiếp cận giáo dục của NKT hiện nay còn khá hạn chế và điều đó khiến trình độ học vấn của họ nhìn chung là rất thấp. Sự hạn chế về trình độ học vấn diễn ra phổ biến đối với cả NKT là nam giới và nữ giới. NKT vận động nhìn chung có trình độ học vấn cao hơn so với các loại hình khuyết tật khác. Các yếu tố làm hạn chế sự hòa nhập xã hội của NKT trên phương diện giáo dục bao gồm: tư tưởng về giáo dục hòa nhập đường như vẫn chưa được chấp nhận nhiều bởi NKT và gia đình NKT; năng lực bản thân của NKT; khả năng của gia đình bao gồm cả nguồn lực tài chính và nhân lực; khó khăn trong đi lại và sự không phù hợp về cơ sở vật chất, công trình trường học.

Bên cạnh tiếp cận giáo dục, việc tiếp cận thông tin cũng gặp nhiều khó khăn nên đã tạo ra những rào cản cho NKT trong việc hòa nhập xã hội. Công nghệ thông tin hiện nay đã hỗ trợ rất nhiều cho NKT trong việc học tập, tiếp cận các nguồn thông tin đa dạng để nâng cao hiểu biết, v.v.. Tuy nhiên, tại địa bàn khảo sát, có đến 63,7% NKT không bao giờ được tiếp cận công nghệ thông tin mà lí do chính bởi không đủ khả năng tài chính.

Tham gia vào đời sống cộng đồng là một biểu hiện quan trọng của sự hòa nhập xã hội. Tại địa bàn khảo sát, 50,7% NKT được hỏi tham gia vào các tổ chức, đoàn thể xã hội, chỉ có 18,9% NKT tham gia vào các tổ chức của NKT, thấp hơn nhiều so với người không khuyết tật (tr. 130). Tỉ lệ NKT đi thăm bạn bè, người thân ở mức thường xuyên chỉ là 17%, có gần 1/3 số NKT không bao giờ đi thăm bạn bè, người thân (tr. 132); chỉ từ 1% - 3% NKT trong khảo sát này tham gia các hoạt động văn hóa của cộng đồng ở mức thường xuyên, 1/2 số NKT không bao giờ tham gia các hoạt động này và không có sự khác biệt giữa nam khuyết tật và nữ khuyết tật. Kết quả khảo sát cũng cho thấy khoảng 50% NKT trong nghiên cứu không bao giờ tham gia vào các hoạt động thể hiện tiếng nói tại cộng đồng (tr. 137). Những yếu tố làm hạn chế sự tham gia đời sống cộng đồng của NKT là do thiếu sự hỗ trợ cần thiết và phù hợp với NKT (gần 60% các gia đình có NKT trong nghiên cứu tán đồng ý kiến này).

Chương 3: Một số yếu tố ảnh hưởng đến hòa nhập xã hội của NKT. Nhóm tác giả phân tích và chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hòa nhập xã hội của NKT ở các cấp độ: thiết chế, cộng đồng, gia đình và bản thân chủ thể NKT.

Các yếu tố ảnh hưởng thuộc cấp độ thiết chế được bàn luận đến bao gồm: các chương trình, chính sách đối với NKT và sự cung cấp các dịch vụ từ phía nhà nước, chính quyền, tổ chức đoàn thể xã hội đối với NKT để đem lại lợi ích, hỗ trợ và nâng cao khả năng tiếp cận cho NKT. Kết quả phân tích cho thấy, mặc dù ở cấp độ thiết chế đã có nhiều sự hỗ trợ cho NKT nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập và hạn chế.

Cộng đồng có ảnh hưởng rất lớn đến sự hòa nhập xã hội của NKT dưới các góc độ khác nhau. Gia đình là đối tượng đảm nhận chủ yếu việc hỗ trợ tài chính, chăm sóc sức khỏe và giúp đỡ NKT trong đời sống hàng ngày. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả phân tích về quan điểm, thái độ của cộng đồng, của gia đình đối với NKT và sự trợ giúp của cộng đồng và gia đình dành cho NKT. Kết quả khảo sát cho thấy, cộng đồng có quan điểm lạc quan, tích cực hơn về NKT so với gia đình có NKT. Kết quả phân tích chỉ ra rằng cộng đồng có quan điểm tích cực cũng như thể hiện sự sẵn lòng giúp đỡ và hỗ trợ tài chính cho các hoạt động vì NKT. Mặc dù gia đình NKT có cách nhìn nhận khá bi quan về NKT nhưng sự gắn kết và đối xử bình đẳng của gia đình đối với NKT là khá cao (83,4% ý kiến đánh giá tán đồng) (tr. 176 - 178). Phần lớn các gia đình NKT tán đồng với việc để NKT ở nhà chăm sóc thay vì cho rằng NKT nên sống ở trong các trung tâm dành riêng cho họ. Khoảng một nửa số lượng gia đình NKT không cảm thấy e ngại khi cùng NKT tham gia vào các hoạt động cộng đồng (tr. 183).

Sự chủ động, tự tin của NKT đóng vai trò rất quan trọng đối với sự hòa nhập xã hội của bản thân họ. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, NKT tại địa bàn nghiên cứu phần nào đã thể hiện được sự chủ động, tích cực trong tiếp cận việc làm. Tuy nhiên, sự hòa nhập xã hội trên một số phương diện khác như tiếp cận thông tin hoặc tham gia vào các hoạt động của đời sống cộng đồng thì còn khá hạn chế xuất phát từ sự mặc cảm, tự ti của bản thân NKT (tr. 199).

Ngoài ba chương nội dung đã nêu, nhóm tác giả cũng đề xuất một số khuyến nghị về chính sách đối với các ban ngành, chính quyền, tổ chức xã hội, cộng đồng, gia đình và cá nhân NKT nhằm thúc đẩy hòa nhập xã hội của NKT nói chung.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu và những ai quan tâm vấn đề hòa nhập xã hội nói chung, vấn đề phát triển con người, đặc biệt cho các nhóm yếu thế trong xã hội trong đó có NKT nói riêng.

***Thu Hà***